**ÔN TẬP THI CUỐI KỲ**

1. Liệt kê danh sách tập tin và thư mục hiện tại (ls)
2. Hiển thị đường dẫn của thư mục hiện tại (pwd)
3. Hiển thị tên người dùng hiện tại (whoami)
4. Hiển thị trang hướng dẫn của một lệnh (man và có thể kết hợp less hoặc more)
5. Hiển thị nội dung một tập tin (cat)
6. Xuât một dòng văn bản (echo)

Echo “Hello”

1. Sắp xếp các dòng của một file theo thứ tự alphabet (sort)

Sort testfile

1. Xem thiết lập ngày giờ cho hệ thống (date)
2. Xem lịch (cal: cal 2003)
3. Xem hoặc tạo tên thay thế cho lệnh (alias: alias list=’ls’)
4. Điều hướng (>)

Echo “hello” > testfile

Kiểm tra kết quả: cat testfile

1. Ghi thêm kết quả vào tập tin, không ghi đè (>>)

Echo “MyLove” >> testfile

1. Tạo cây thư mục (sudo dnf install tree: #tree)
2. Tạo thư mục (mkdir)
3. Xoá thư mục (rmdir)
4. Tạo tập tin (touch)
5. Đổi tên tập tin (mv tên\_cũ tên\_mới)
6. Copy file (cp tập\_tin đích\_đến)
7. Đếm số dòng, ký tự, từ file (wc file)
8. Tạo liên kết (ln -s thư\_mục\_gốc thư\_mục\_link)
9. Nén tập tin (gz tập tin)
10. Đổi mật khẩu root (rw init=/sysroot/bin/sh -> ctrl X để lưu; chroot /sysroot; passwd)
11. A screenshot of a computer code

    Description automatically generated
12. Kiểm tra phiên bản (systemctl --version)
13. Kiểm tra location của file hệ thống (whereis tập\_tin)
14. Kiểm tra systemd có đang chạy hay không ( ps -eaf | grep [s]ystem)
15. Quá trình khởi động của systemd (systemd-analyze)
16. Hiển thị thời gian thực hiện (systemd-analyze blame)
17. Systemd-analyze critical-chain
18. Hiển thị các unit có sẵn (systemctl list-unit-files) (--type = \_)
19. Hiển thị các unit đang chạy (systemctl list-units)
20. Hiển thị các unit thất bại (systemctl --fail)
21. Kiểm tra dịch vụ có đang chạy hay không (systemctl status firewall.service)
22. Hiển thị các gói đã cài đặt dùng rpm (rpm -qa)
23. Xem thông tin của gói tin đã cài đặt (rpm -qi tên\_gói)
24. Liệt kê các tập tin chứa các gói cài đặt (rpm -ql)
25. Tìm trong thư mục có gói nào được cài đặt không (rpm -qf thư\_mục)
26. Kiểm tra gói vừa cài đặt (rpm -Vv gói)
27. Xoá gói (rpm -evv gói)
28. Cài đặt gói tự động

Upate hệ thống: dnf update

Cài đặt dnf-automatic: dnf install dnf-automatic

Chỉnh sửa file dnf-automatic bằng cách chạy lệnh(nano hoặc vi đều được): nano /etc/dnf/automatic.conf

Sửa trong file thành như sau:

Apply\_updates = yes để bật tự động cập nhật

Download\_updates = yes để tự động tải xuống

Upgrade\_type = security dùng để chỉ tải cập nhật bảo mật. Có thể chọn những lựa chọn khác nếu cần

Emit\_via =motd để diễn tả thông tin cập nhật trong thông báo MOTD

Lưu và thoát chế độ viết

Chạy dịch vụ dnf-automatic bằng cách: systemctl start dnf-automatic.timer

Kích hoạt dịch vụ dnf-automatic chạy tự động khi boot vào chương trình: systemctl enable dnf-automatic.timer

1. Kiểm tra tiến trình đang hoạt động (ps -e)
2. Hiển thị tiến trình theoA screenshot of a computer

   Description automatically generated

Ps -eo \_\_

1. Chạy chương trình với độ ưu tiên (nice -n độ\_ưu\_tiên lệnh) để chạy trong nền thì thêm (|more &)
2. Thay đổi độ ưu tiên (renice -n độ\_ưu\_tiên lệnh)
3. Cây tiến trình (pstree)
4. Dừng tiến trình (kill -9 PID\_tiến\_trình)
5. Thông tin hoạt động tiến trình (top) tìm %CPUs
6. Tạo người dùng (useradd)
7. Tạo nhóm (groupadd)
8. Đưa người dùng vào nhóm (usermod -a -G nhóm user)
9. Đổi password cho người dùng (passwd user)
10. Đổi tên user (usermod -l tên\_mới tên\_cũ)
11. Khoá user (sudo passwd -l user hoặc sudo vi /etc/passwd (thêm ! trước x))
12. Enable user (thay -l bằng -u)
13. Thay đổi thư mục của user thành thư mục khác

Sudo pkill -u user

Sudo mv /home/user1 /home/user1\_home

Sudo usermod -d /home/user1\_home -m user

1. Thay đổi số ngày thay đổi mật khẩu (change -m (tối thiểu) -M (tối đa) số\_ngày user)
2. Xoá người dùng (userdel -rf user)
3. Xoá nhóm (groupdel nhóm)

59. Viết script thay thế tất cả những tập tin \*.txt thành những tập tin \*.html.

#!/bin/bash

For files in $(ls \*.txt)

Do

Newname = “$(basename $file .txt) .html”

Mv $file $newname

Done

1. A

#!/bin/bash

for file in $(ls \*.txt)

do

echo -n "Display $file? "

read answer

if [ $answer == 'y' ]

then

less $file

fi

done

#!/bin/bash prog=$(basename $0) cho tệp trong $(ls \*.txt); làm echo -n "Hiển thị tập tin $?" đọc câu trả lời nếu [ "a${answer}""ay" ]; sau đó tôi đã hoàn thành thêm nhiều tập tin $ f

1. Đối với tệp có phần mở rộng là txt trong thư mục hiện tại, nó hiển thị yêu cầu mà không di chuyển con trỏ sang dòng tiếp theo, chờ câu trả lời của người dùng,nếu người dùng nhập 'y', sau đó sẽ xuất ra nội dung của tệp , nếu không thì chuyển sang tệp tiếp theo.
2. Đối với tệp có phần mở rộng là txt trong thư mục hiện tại, nó sẽ hiển thị yêu cầu, chờ người dùng nhập câu trả lời của mình, nếu người dùng nhập 'y' thì sẽ xuất nội dung của tệp, nếu không, sẽ di chuyển sang tập tin tiếp theo.
3. Đối với mỗi tệp có phần mở rộng là txt trong thư mục hiện tại, nó sẽ hiển thị yêu cầu mà không di chuyển con trỏ sang dòng tiếp theo, chờ câu trả lời của người dùng, nếu người dùng nhập 'y', sau đó trang ra nội dung của tệp , nếu không thì chuyển sang tệp tiếp theo.
4. Viết script xuất ra màn hình các giá trị 1, 2, .., n. Với n được nhập từ bàn phím.

#!/bin/sh  
echo “Chuong trinh in 1- $1”  
index=0  
while [ $index -lt $1 ]  
do  
index=$(($index + 1))

Echo “$index”  
done  
exit 0   
./tenfile.sh 10

1. A black screen with white text

   Description automatically generated
2. A screen shot of a computer

   Description automatically generated
3. A black background with white text

   Description automatically generated
4. A black screen with white text

   Description automatically generated
5. A computer screen with white text

   Description automatically generated
6. A computer screen with white text

   Description automatically generated
7. A screenshot of a computer program

   Description automatically generated
8. A screenshot of a computer

   Description automatically generated
9. In lệnh 1h/1 lần

Crontab -l

(\* \*/1 \* \* \* /root/file.sh)

70. sao lưu vào mỗi chủ nhật

A computer screen with white text

Description automatically generated

